

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG DTTS&MN giai đoạn 2021-2025; đề xuất nội dung, giải pháp thực hiện Dự án giai đoạn II: từ năm 2026 - 2030

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ ÁN 8 GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Dự án

Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ, nội dung của Dự án: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, UBND các huyện/thành phố xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động của Dự án theo đúng các văn bản hướng dẫn của cấp trên.

Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn Hội LHPN các huyện/thành phố tham mưu UBND cùng cấp ban hành kế hoạch giai đoạn, hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn ngân sách được giao đảm bảo đúng theo sự hướng dẫn, định hướng của Trung ương Hội. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị và nguồn vốn được giao UBND các huyện/thành phố đã chủ động phân bổ kinh phí cho Hội LHPN các huyện/thành phố, các phòng, ban liên quan và một số xã để thực hiện Dự án.

Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh ban hành Quyết định số 48/QĐ-BTV ngày 19/8/2022 về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Dự án 8 “thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là DA8); giao Ban Tuyên giáo - Chính sách luật pháp là đơn vị trực tiếp tham mưu triển khai thực hiện Dự án, 01 đồng chí lãnh đạo Hội tham gia thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

2. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện đã đảm bảo Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

Hội LHPN từ tỉnh đến cơ sở tích cực huy động nguồn lực lồng ghép để triển khai các hoạt động tại địa phương thông qua các chương trình, Đề án như:

Chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương, Đề án 938 “Tuyên truyền giáo dục vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trẻ em” và Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”; Đề án 1893 “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội LHPN các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn 2019-2025”, Đề án 01 “Hỗ trợ Hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”...

Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện 100% vốn thực hiện nguồn ngân sách Trung ương.

Hội LHPN tỉnh phối hợp với Sở Tài Chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội xây dựng nội dung gửi Ban Dân tộc tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Trong đó phân rõ: Hội LHPN tỉnh và UBND các huyện/thành phố thực hiện các nội dung 1, 2, 3, 4; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện một số hoạt động trong nội dung 3,4 của Dự án 8, với tổng nguồn vốn sự nghiệp cụ thể như sau:

a, Tổng vốn dự kiến giai đoạn 2021-2025 là 84.234 triệu đồng, trong đó:

- Hội LHPN tỉnh: 15.583 triệu đồng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 3.369 triệu đồng;
- Hội LHPN các huyện, thành phố: 65.282 triệu đồng.

b, Kế hoạch vốn năm 2022 là 8.025 triệu đồng, trong đó:

- Hội LHPN tỉnh: 1.485 triệu đồng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 321 triệu đồng;
- Hội LHPN các huyện, thành phố: 6.219 triệu đồng

(chưa thực hiện giải ngân nguồn vốn 2022, đề xuất chuyển nguồn sang 2023)

c, Kế hoạch vốn năm 2023 là 21.607 triệu đồng trong đó:

- Hội LHPN tỉnh: 3.997 triệu đồng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 864 triệu đồng;
- Hội LHPN các huyện, thành phố: 16.746 triệu đồng

(chưa thực hiện giải ngân nguồn vốn 2023 do đang thực hiện nguồn vốn kéo dài của năm 2022)

d, Kế hoạch vốn năm 2024 là 25.366 triệu đồng trong đó:

- Hội LHPN tỉnh: 4.687 triệu đồng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 1.013 triệu đồng;

- Hội LHPN các huyện, thành phố: 19.636 triệu đồng
- e, Kế hoạch vốn năm 2025 là 25.366 triệu đồng trong đó:
- Hội LHPN tỉnh: 4.687 triệu đồng;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 1.013 triệu đồng;
- Hội LHPN các huyện, thành phố: 19.636 triệu đồng

Theo báo cáo từ Hội LHPN các huyện, thành phố, Sở LĐTB&XH, kết quả giải ngân đến tháng 30/3/2025: Toàn tỉnh 9.548.000.000đ, trong đó Hội LHPN tỉnh 822.000.000đ, Sở LĐTB&XH 1.644.915.000đ, Hội LHPN các huyện, thành phố 7.081.085.000đ.

(theo Phụ lục 03)

3. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Dự án

Hội LHPN các cấp và Sở LĐTB&XH đã tổ chức 132 lớp tập huấn; 16 hội thi; 111 cuộc đối thoại chính sách; thành lập 403 Tổ truyền thông cộng đồng, 73 Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi; 221 cuộc truyền thông; hỗ trợ ban đầu cho 144 tổ truyền thông cộng đồng; hỗ trợ 494 phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn; 62 địa chỉ tin cậy cộng đồng được củng cố, nâng chất lượng trên cơ sở mô hình hiện có/hoặc thành lập mới ... qua các hoạt động trên đã nâng cao kỹ năng, nhận thức, thay đổi định kiến, khuôn mẫu giới cho đội ngũ cán bộ Hội và người dân, từng bước tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng DTTS&MN.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể: (đạt và vượt 4/10 chỉ tiêu):

- 403/335 Tổ truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động **(đạt 120%, vượt chỉ tiêu).**

- 62/35 Địa chỉ tin cậy cộng đồng được củng cố, nâng chất lượng trên cơ sở mô hình hiện có/hoặc thành lập mới **(đạt 170%, vượt chỉ tiêu).**

- 0/115 Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản (TKVVTB) được củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới và duy trì. Trên cơ sở tổ TKVVTB: thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB hiện có tiếp cận với các định chế tài chính chính thức; thí điểm hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện có phát triển sinh kế; thí điểm 69 Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới **(đạt 0%, chưa đạt chỉ tiêu).**

- 1/19 tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường **(đạt 0,05%, chưa đạt chỉ tiêu).**

- 73/69 CLB thủ lĩnh của sự thay đổi của trẻ em được thành lập, nâng cao năng lực và hỗ trợ tổ chức hoạt động **(đạt 105,7% vượt chỉ tiêu).**

- 111/168 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản được tổ chức tại các địa bàn đặc biệt khó khăn (**được 66,07% chưa đạt chỉ tiêu**).

- 328/80 cán bộ nữ DTTS cấp huyện, xã (gồm: cán bộ nữ trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ mới bổ nhiệm, cán bộ nữ mới trúng cử lần đầu) được nâng cao năng lực (**vượt chỉ tiêu**) do Sở LĐTB &XH thực hiện.

- 4/20 lớp tập huấn hướng dẫn giám sát và đánh giá về Bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn bản (**được 20% chưa đạt chỉ tiêu**).

- 11/18 lớp tập huấn lồng ghép giới (chương trình 2 cho cán bộ huyện, xã) (**được 61% chưa đạt chỉ tiêu**).

- 23/61 lớp tập huấn lồng ghép giới (chương trình 3 cho cán bộ thôn, bản) (**được 37,7% chưa đạt chỉ tiêu**).

(theo Phụ lục 02 và Phụ lục 04)

4. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Dự án

Việc triển khai thực hiện Dự án 8 đã nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giới và bình đẳng giới; thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục có hại và giải quyết một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em; nâng cao nhận thức về chăm sóc phụ nữ sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em; hỗ trợ bảo vệ phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của bạo lực gia đình; ngăn chặn, xử lý kịp thời các vụ bạo lực gia đình mà nạn nhân là phụ nữ, trẻ em, các đối tượng thụ hưởng từ dự án đều tham gia tích cực trong các hoạt động triển khai trên địa bàn và được sự đồng tình cao trong cộng đồng dân cư đối với việc triển khai dự án. Bước đầu đã có tác động tích cực đến đời sống, nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đồng thời, phát huy hiệu quả vai trò, sự tham gia của những người có uy tín tại cộng đồng, trưởng bản/tổ dân phố trong thực hiện tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho người dân. Các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em cũng đã được cấp ủy, chính quyền cơ sở và các tầng lớp Nhân dân quan tâm hơn; phụ nữ đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhất là tham gia các cuộc đối thoại, bày tỏ ý kiến tham gia vào các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

Nhận thức của các cấp, các ngành đối với việc hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi ngày càng được nâng lên. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác Bình đẳng giới được củng cố, kiện toàn dần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ Bình đẳng giới. Vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng, giám sát và phản biện từng bước được khẳng định. Năng lực

của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử từng bước được nâng lên qua từng đợt bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn. Nhận thức của người có uy tín trong cộng đồng về công tác bình đẳng giới, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới có nhiều chuyển biến tích cực. Việc trang bị kỹ năng lồng ghép giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương cho công chức làm công tác bình đẳng giới các cấp thực hiện khá hiệu quả.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Cán bộ Hội các cấp lần đầu tiên được giao thực hiện dự án lớn thuộc Chương trình MTQG nên năng lực chưa đáp ứng; việc xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán, quyết toán còn lúng túng.

- Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quyết liệt trong chỉ đạo triển khai thực hiện Dự án 8. Việc lồng ghép thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa được rõ nét.

- Công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong triển khai mô hình Câu lạc bộ Thủ lĩnh của sự thay đổi còn chưa chặt chẽ, một số Mô hình của Câu lạc bộ bắt đầu triển khai nên chưa đạt được hiệu quả rõ nét, chưa thực sự khẳng định được vai trò của trẻ em trong phát triển kinh tế - xã hội tại cộng đồng. Công tác bình đẳng giới ở một số vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, tư tưởng trọng nam khinh nữ, định kiến giới còn tồn tại; các vụ bạo lực giới tuy có giảm nhưng tính chất, mức độ nghiêm trọng của vụ việc vẫn còn.

- Một số quy định trong các văn bản chưa đồng nhất dẫn đến quá trình tham mưu các hoạt động của Dự án còn lúng túng, vướng mắc (Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Hướng dẫn 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Trung ương Hội LHPN Việt Nam về hướng dẫn triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”; Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025), cụ thể:

- + Theo Quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ, tại Dự án 8 về nội dung của hoạt động đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KT-XH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia vào hệ thống chính trị: có ghi rõ hoạt động “Nâng cao năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử”. Nhưng trong Thông tư số 55 lại ghi chung là “hỗ trợ phụ nữ tham gia vào hệ thống chính trị”.

+ Tại Điều 38 của Thông tư 55 có nội dung thứ nhất là “hoạt động đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KT-XH của cộng đồng, giám sát và phản biện” và nội dung thứ hai là “hỗ trợ phụ nữ tham gia vào hệ thống chính trị”. Nhưng tại Khoản 1 của Điều 38 lại chỉ có nội dung thứ nhất, không có nội dung thứ hai.

+ Trong Hướng dẫn 04 có hoạt động giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, diễn đàn nhưng trong Thông tư 55 không có.

- Ngân sách giao lớn nhưng nội dung thực hiện của Dự án phần lớn chỉ thực hiện các lớp tập huấn, các hội nghị tuyên truyền, truyền thông, đối thoại chính sách mà đầu mục chỉ các nội dung theo các văn bản đính kèm lại thấp nên khó có thể giải ngân được vốn; một số định mức chi còn thấp so với thực tế (thuê hội trường); đối tượng chưa đồng nhất (trẻ em trai, trẻ em gái); nội dung chi chưa rõ.

- Đối với chỉ tiêu tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản (TKVVTB) được củng cố, nâng cao chất lượng/hoặc thành lập mới và duy trì. Trên cơ sở tổ TKVVTB: thí điểm hỗ trợ giới thiệu 15% thành viên Tổ TKVVTB hiện có tiếp cận với các định chế tài chính chính thức; thí điểm hỗ trợ 15% thành viên của Tổ TKVVTB hiện có phát triển sinh kế; thí điểm 69 Tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới, tạm dừng không triển khai theo Công văn số 1811/ĐCT-BKT của Trung ương Hội LHPN Việt Nam.

- Chỉ tiêu Tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã) ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất và kết nối thị trường chưa đạt, do các xã trên địa bàn Dự án 8 không có các tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã, một số xã có tổ/nhóm nhưng không có phụ nữ làm chủ, đồng làm chủ.

- Nội dung thực hiện các chiến dịch truyền thông (phối hợp với Truyền hình xây dựng chuyên đề Bình đẳng giới cho Phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong thực hiện Dự án 8 phát trên sóng Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Lai Châu liên quan đến Luật đấu thầu (mới sửa đổi), do Hội LHPN tỉnh chưa có cán bộ đáp ứng yêu cầu thực hiện được hoạt theo Luật đấu thầu mới.

- Chưa triển khai mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hoà nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người do căn cứ theo hướng dẫn của TW, Hội LHPN thực hiện rà soát nạn nhân của MBN, đối với tỉnh Lai Châu (có một vài trường hợp). Hội LHPN đã có ý kiến phản hồi về TW Hội đề nghị mở rộng đối tượng thụ hưởng là nạn nhân của Bạo lực gia đình, phụ nữ có nguy cơ bị mua bán. TW đã ghi nhận và đã có văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, đang trong thời gian chờ văn bản trả lời (hiện nội dung này chưa triển khai); tài liệu hướng dẫn quy trình triển khai thực hiện mô hình sinh kế hoà nhập cộng đồng cho nạn nhân MBN của TW Hội đã ban hành nhưng còn chung chung, khó áp dụng.

- Hướng dẫn chi trả gói chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh đẻ an toàn chưa được cụ thể, còn chung chung dẫn đến quá trình triển khai cho đối tượng thụ hưởng còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc xác định đối tượng thụ hưởng dẫn đến công tác ra soát phụ nữ và đề nghị chi trả chế độ của Hội LHPN các xã mang thai còn chậm. Việc chi trả các gói chính sách còn muộn do một số bà mẹ và gia đình bà mẹ sinh con chưa thực hiện nộp các giấy tờ để được thanh toán hỗ trợ theo quy định.

5.3. Một số kinh nghiệm

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án trong thời gian tới các cấp, ngành, địa phương cần tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình. Đẩy mạnh hơn nữa công tác phối hợp giữa Hội LHPN với các cơ quan liên quan cùng cấp trong thực hiện hoạt động cụ thể của Dự án 8.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, chia sẻ kết quả hoạt động từ Dự án 8, những mô hình, cách làm hiệu quả, sáng tạo trong triển khai dự án và những vấn đề cấp thiết đang đặt ra đối với phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS và MN.

Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, tham mưu triển khai dự án tại địa phương.

Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện Dự án 8, phát hiện các vấn đề phát sinh tại các cấp để kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc địa phương thực hiện đúng quy định của Chương trình và triển khai hiệu quả Dự án.

Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm công tác triển khai Dự án 8 năm, giai đoạn và định hướng năm tiếp theo, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các hoạt động của Dự án; kịp thời đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc giúp cấp cơ sở thuận lợi trong việc triển khai các hoạt động của chương trình.

II. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, GIẢI PHÁP DỰ ÁN GIAI ĐOẠN II: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

1. Điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Mục tiêu: một số mục tiêu không triển khai hoặc trong Thông tư của Bộ Tài chính không quy định đề nghị bỏ (tổ tiết kiệm, các hoạt động giám sát đối với cấp cơ sở).

- Đối tượng thụ hưởng: ngoài đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái, nên mở rộng đối tượng đến *trẻ em trai, người dân đang sinh sống* tại các xã, thôn, bản ĐBKK vì:

+ Đối với hoạt động “Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi” thành lập tại các đơn vị trường học cần có sự tham gia của trẻ em trai để nâng cao hiệu quả hoạt động.

+ Nội dung trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng (trong các xã đối tượng này phần lớn là nam giới).

- Địa bàn thụ hưởng: ngoài các xã, thôn, thôn đặc biệt khó khăn cần bổ sung thêm *địa bàn tại các xã, thôn biên giới* (kể cả là xã nông thôn mới) vì: đây là khu vực tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với phụ nữ, trẻ em, cần được quan tâm, chú trọng.

- Về cơ chế thực hiện: có hướng dẫn chi tiết về cách thức triển khai thực hiện bám sát Thông tư của Bộ Tài chính.

- Đề xuất bổ sung nội dung sơ, tổng kết các hoạt động của Dự án và khen thưởng các địa phương, các cơ quan, đơn vị, cá nhân đạt kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Dự án; các mô hình hiệu quả, cách làm hay cần nhân rộng.

2. Dự kiến đối tượng và nguồn lực của Dự án, nội dung, hoạt động của Dự án giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Đối tượng

- Phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên phụ nữ, trẻ em là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, người khuyết tật.

- Cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp; già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nam giới trong cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cán bộ các ngành tham gia thực hiện Dự án.

- Người dân trong cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ làm chủ/hoặc tham gia quản lý trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các cơ quan truyền thông và các bên liên quan khác.

2.2. Nguồn lực giai đoạn 2026 - 2030: 42.737 triệu đồng, triển khai thực hiện Dự án (Trong đó tổng vốn dự kiến giai đoạn II (2026-2030) của Hội LHPN tỉnh: 5.185 triệu đồng (vốn sự nghiệp) triển khai các nội dung cụ thể

- Mục tiêu đến năm 2030

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Nội dung:

Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực; hội thảo, giao lưu, liên hoan; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật; truyền thông nâng cao nhận thức xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới... xây dựng các tổ/nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng.

- Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

- Tổ chức Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.

- Triển khai 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại địa bàn có đông người DTTS và tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình của cả nước.

Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Tổ chức tập huấn, hội thảo và hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS.

- Cùng cố nâng cao chất lượng hoặc thành lập mới ĐCTC cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị

Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế xã hội tại địa phương.

Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ “thủ lĩnh của sự thay đổi”.

Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQGDTTS&MN (nguồn từ thuộc Dự án 10 - Tiểu Dự án 3 của CTMTQGDTTS&MN).

Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS tham gia vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

Nội dung số 04: trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng

Tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ các cấp làm công tác bình đẳng giới; tập huấn, tọa đàm, giao lưu, nói chuyện chuyên đề nhằm trang bị kiến thức về bình đẳng giới cho già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

III. PHỤ LỤC BÁO CÁO (theo Biểu phụ lục)

Nơi nhận:

- Trung ương Hội LHPN Việt Nam;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Sở Tài Chính;
- Thường trực Hội LHPN tỉnh;
- VP, các ban chuyên môn tỉnh Hội;
- Lưu: VT, TGCSLP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Khoàng Thị Thanh Nga

Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" giai đoạn I, từ năm 2021 - 2025
(Theo Phụ lục số 02 - Biểu 2.8 của Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy Ban Dân tộc)

[illegible]

1.1	Hoạt động 1: Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng																		
1.1.1	thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động	335	Tổ	403	Tổ			Vượt	403	Tổ			Vượt	403	Tổ			Vượt	100
1.1.2	Số lượng thành viên các tổ truyền thông cộng đồng		Người	3445	Người			Vượt	3445	Người			Vượt	3445	Người			Vượt	950
	Số người được tuyên truyền		Người	6773	Người				6773	Người				6773	Người				2100
1.1.3	Số lượng, Tỷ lệ thôn bản ĐBKK có tổ truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động		Thôn, %	399	bản			Vượt	399	bản				399	bản				100
1.1.4	Số lượng thôn bản được cung cấp một số trang thiết bị cơ bản (micro, loa cầm tay, loa kéo...) - trên cơ sở rà soát lại những thiết bị đã được trang bị		Thôn	144	Bản				84	Bản				84	Bản				20
1.2.	Hoạt động 2: Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em																		

1.2.1	Số lượng chương trình phát thanh, truyền hình, truyền thanh cấp trung ương và cấp tỉnh được sản xuất và phát sóng		Chương trình															
1.2.2	Số lượng mô hình truyền thông cộng đồng về nội dung “xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho PN&TE, giải quyết những vấn đề xã hội cấp thiết cho PN&TE” được Tổ truyền thông cộng đồng thực hiện tại các sự kiện cộng đồng và được số hóa để chia sẻ rộng rãi (Ngoài tổ truyền thông cộng đồng)		Mô hình															
	Trong đó:																	
	1.2.2.1. Số lượng, Tỷ lệ mô hình truyền thông cộng đồng do nam giới tiên phong		Mô hình, %															
1.2.3	Số lượng, Tỷ lệ các mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng và các chương trình phát thanh, truyền hình được số hóa (để chia sẻ rộng rãi qua các nền tảng truyền thông xã hội)		Mô hình, %															



1.3	Hoạt động 3: Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em																	
1.3.1	Số lượng mô hình truyền thông sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em vùng DTTS&MN được lựa chọn, hỗ trợ tài liệu hóa và số hóa	6	Mô hình	16	Hội thi	1143	người	Đạt	16	Hội thi		Vượt	16	Hội thi				12
1.4	Hoạt động 4: Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em																	
1.4.1	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ mang thai vùng DTTS&MN được tuyên truyền, vận động đến sinh con tại cơ sở y tế		Người, %	177	Cuộc	10640	Người		212	Cuộc	10960	Người		212	Cuộc	10960	Người	6960
1.4.2	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận/thụ hưởng gói chính sách hỗ trợ bà mẹ sinh đẻ an toàn tại các tỉnh có đông DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao		Người, %			494	Người				725	Người				725	Người	565

[illegible]

2.2.1	Số lượng mô hình tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ triển khai các giải pháp công nghệ 4.0	Mô hình																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
-------	---	---------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[illegible]

3.1.4	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động giám sát xã hội: giám sát các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do tổ chức Hội LHPNVN đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện		Người, %															
3.2	Hoạt động 2: Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”																	
3.2.1	của sự thay đổi” được hỗ trợ thành lập tại trường học, trong thôn bản, nhà sinh hoạt cộng đồng... và đi vào hoạt động	69	CLB	73	CLB	1467	Người	10580%	73	CLB	1467	Người	Vượt	73	CLB	1467	Người	Vượt
3.2.2	Số lượng, Tỷ lệ nữ trẻ em DTTS trực tiếp tham gia vận hành các mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”		Người, %	1467	Người	1467	Người	100%	1467	Người	1467	Người	100%	1467	Người	1467	Người	100%
3.2.3	Số lượng, Tỷ lệ trẻ em DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi”		Người, %	1467	Người	1467	Người	100%	1467	Người	1467	Người	100%	1467	Người	1467	Người	100%

[illegible]

3.3.5	Số lượng Hội nghị có sự tham gia của bộ ngành và địa phương để đánh giá kết quả thực hiện LGG, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp thúc đẩy BDG trong vùng DTTS&MN		Hội nghị															
3.4	Hoạt động 4: Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử																	
3.4.1	Số lượng cán bộ nữ DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp xã và cấp huyện được tập huấn ngắn hạn nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử, và được tham quan học tập kinh nghiệm		Người															
3.4.2	Tỷ lệ cán bộ nữ DTTS tham gia vào cơ quan dân cử cấp xã và cấp huyện		%															



4	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng																	
4.1	Hoạt động 1: Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới - TW cung cấp số liệu này																	
4.1.1	Chương trình 1 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện được xây dựng và được số hóa		Chương trình															
4.1.2	Chương trình 2 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp xã dành được xây dựng và được số hóa:		Chương trình															
4.1.3	Chương trình 3 phát triển năng lực thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng được xây dựng và được số hóa		Chương trình															

PHU
.C.H
JEN
IU N
INH
ICH



4.1.4	Số lượng các khóa học trực tuyến về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng trên website của TU Hội Liên hiệp phụ nữ VN		Khóa học															
4.2	Hoạt động 2. Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới																	
4.2.1	Số lượng giảng viên nguồn về lồng ghép giới ở cấp trung ương và cấp tỉnh được đào tạo		Giảng viên															
4.3	Hoạt động 3. Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp																	
4.3.1	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 1 cho 51 tỉnh địa bàn Dự án		Lớp															
4.3.2	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 2 cho cán bộ cấp huyện và xã	18	Lớp	11	Lớp	316	Người		11	Lớp	316	Người		12	Lớp	430	Người	
4.3.3	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 3 trong cộng đồng	61	Lớp	23	Lớp	1200	Người		23	Lớp	1200	Người		61	Lớp	3182	Người	30
4.3.4	Số lượng cán bộ tham gia hoạt động tập huấn về LGG ở các cấp (tỉnh, huyện, xã)		Người															



4.4	Hoạt động 4. Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực - (tỉnh nào làm thì cung cấp số liệu)																	
4.4.1	Cơ sở dữ liệu đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ về kết quả hoạt động phát triển năng lực thực hiện BDG ở các cấp được thu thập và phân tích, báo cáo		CSDL/ Báo cáo															
4.4.2	Số lượng hội thảo ở cấp vùng và cấp TƯ về kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương pháp, nội dung các hoạt động NCNL trong dự án 8 và các vấn đề liên quan khác		Hội thảo															

VIỆT
A.



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ CHỦ YẾU

Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em"
giai đoạn I, từ năm 2021 - 2025

(Theo yêu cầu Phụ lục số 01 của Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy Ban Dân tộc)

1. Chỉ số 32 và 73

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%) (Số người tham gia/Tổng số dân)	Số lượng nam, nữ (Đvt: người)	
			Nam	Nữ
32	Tỷ lệ người dân ở vùng DTTS & MN tiếp cận thông tin về bình đẳng giới thông qua các hoạt động truyền thông dựa vào cộng đồng			
73	Tỷ lệ trẻ em DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB "Thủ lĩnh của sự thay đổi"			

2. Chỉ số 33 và 72

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%) (Số người tham gia/Tổng số dân)	Số lượng Tỉnh, huyện, xã (Đvt: người)		
			Tỉnh	Huyện	Xã
33	Tỷ lệ cán bộ các cấp ở vùng DTTS & MN được trang bị kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới				
72	Tỷ lệ phụ nữ DTTS cải thiện tiếp cận tín dụng thông qua các tổ Tiết kiệm vay vốn thôn bản		KHÔNG THỰC HIỆN Ở GIAI ĐOẠN 1		

3. Địa bàn thôn, xã ĐBKk được triển khai Dự án 8

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%) (SL thôn xã ĐBKk được triển khai/Tổng số thôn, xã ĐBKk của địa phương)	Số lượng thôn, xã ĐBKk	
			SL thôn ĐBKk (Đvt: thôn)	SL xã ĐBKk (Đvt: xã)
	Số lượng thôn, xã ĐBKk triển khai Dự án 8	99,5% (610/613)	556	54

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH LAI CHÂU



BÁO CÁO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em"
giai đoạn I, từ năm 2021 - 2025

(kèm theo Báo cáo số 443/BC-BTV, ngày 05 tháng 5 năm 2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án	Thời điểm báo cáo									Dự kiến đến 31/12/2025									Nguồn lực thu hồi	Dự kiến nguồn lực giai đoạn II	Ghi chú
		TỔNG	Vốn ngân sách nhà nước				Vốn huy động			TỔNG	Vốn ngân sách nhà nước				Vốn huy động							
			Tổng	NSTW		NSDP		Dân góp	Lồng ghép		Khác	Tổng	NSTW		NSDP		Dân góp	Lồng ghép	Khác			
				ĐTPT T	SN	ĐTPT	SN						ĐTPT	SN	ĐTPT	SN						
1	2	3										4	5				6	7	8			9
1	Dự án 8	9527	9527	0	9527	0	0	0	0	0	0		0	11,834	0	0	0	0	0		42737	
2	Tiểu DA 3, 'Dự án 10	21	21	0	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	TỔNG	9548	9548	0	9548	0	0	0	0	0	0	11834	0	11834	0	0	0	0	0		42737	